

## KẾ HOẠCH

### **Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Trung Hội giai đoạn 2025 - 2030 định hướng đến năm 2045**

Thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Kế hoạch số 25/KH-UBND), Chương trình hành động số 36-CTr/HU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 24/02/2025 của UBND huyện Định Hóa Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn huyện Định Hóa giai đoạn 2025 - 2030 định hướng đến năm 2045; UBND xã Trung Hội xây dựng Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 03/NQ-CP); Chương trình hành động số 62-CTr/TU, ngày 23/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Chương trình hành động số 62-CTr/TU); Kế hoạch số 25/KH-UBND, ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Kế hoạch số 25/KH-UBND); Chương trình hành động số 36-CTr/HU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*Chương trình hành động số 36-CTr/HU*).

## **2. Yêu cầu**

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các ban; ngành; tổ chức chính trị - xã hội; các đơn vị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả các nội dung phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, ngành, nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm vững, hiểu rõ những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 03/NQ-CP, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình hành động số 62-CTr/TU, Kế hoạch số 25/KH-UBND.

## **3. Mục tiêu đến năm 2030**

- Trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên một số lĩnh vực quan trọng được nâng cao.

- Phân đầu nâng cao trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tiếp cận mức tiên tiến của Việt Nam.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 90%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Số hóa 100% các di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp tỉnh đã được tôn tạo, các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Quan tâm bố trí nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại; trên địa bàn huyện không còn điểm lờm sáng; Sóng 5G trở lên phủ sóng 100% khu dân cư; cáp quang băng rộng tới 100% hộ gia đình có nhu cầu sử dụng; Duy trì Đài truyền thanh thông minh.

- Quản lý nhà nước trên môi trường số, cơ sở dữ liệu kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phong trào “bình dân học AI” một cách sâu rộng, bền vững đến 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. 100% cán bộ công chức ứng dụng nền tảng AI trong công việc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

## **4. Mục tiêu tầm nhìn đến năm 2045**

Trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nhiều lĩnh vực quan trọng được nâng cao. Đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ phát triển khoa học công nghệ. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa xã trở thành xã có thu nhập khá trên địa bàn huyện.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

**1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

- Tuyên truyền, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 03-NQ/CP; Chương trình hành động số 62-CTr/TU, Kế hoạch số 25/KH-UBND theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, tầng lớp Nhân dân để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và toàn thể Nhân dân về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

- Hằng năm đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Phấn đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

- Khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

- Phát động phong trào thi đua trong toàn xã để phát huy sức mạnh tổng hợp, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức phù hợp cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc.

**2. Tập trung đổi mới khoa học công nghệ, chuyển đổi số trên một số lĩnh vực; Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi**

## **mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phát triển hạ tầng số tỉnh Thái Nguyên đến hết năm 2025 và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 06/01/2025 về phát triển hạ tầng số huyện Định Hóa đến hết năm 2025, từ đó tạo đột phá về hạ tầng số trên địa bàn. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn huyện. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

- Triển khai Chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; triển khai bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Thực hiện chuyển đổi số tại cụm công nghiệp (*sau khi được thành lập và đưa vào hoạt động*) theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

- Phát động sâu rộng phong trào thi đua bình dân học AI trên địa bàn; mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đều được tiếp cận từ những ứng dụng AI cơ bản nhất phục vụ sinh hoạt, đời sống và công việc. Quản lý nhà nước trên môi trường số, cơ sở dữ liệu kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Tập trung quảng bá sâu rộng hình ảnh đất nước, con người huyện Định Hóa trên môi trường số nhằm thu hút đầu tư thông qua việc đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với văn hóa lịch sử, số hóa các di tích lịch sử và di sản văn hóa trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng công tác thông tin truyền thông trên địa bàn thông qua việc đổi mới sáng tạo nội dung, hình thức tuyên truyền; sử dụng công nghệ trong công tác truyền thông.

- Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tập trung đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý giáo dục, quản lý hồ sơ người học, tuyển sinh. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục.

**3. Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển.**

- Rà soát, đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về cơ chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Thực hiện các quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

#### **4. Chú trọng thu hút, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Quan tâm thu hút, tuyển dụng và triển khai thực hiện các chính sách đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động những kiến thức, kỹ năng về áp dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Đào tạo kỹ năng số cho các tổ công nghệ số cộng đồng.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

#### **5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh**

- Triển khai, xây dựng, phát triển Chính quyền số theo nội dung chỉ đạo, hướng dẫn tại Chương trình phát triển Chính phủ số (*sau khi được ban hành*) với các mục tiêu cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; triển khai bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo chỉ đạo, điều hành; nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân

và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

- Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng theo hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

- Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

## **6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp**

- Triển khai các chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp dựa trên bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp do cơ quan trung ương ban hành; triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

- Trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

## **7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Học tập kinh nghiệm, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn phòng thống kê và Văn hóa xã hội là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu UBND xã đơn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) tham mưu UBND xã báo cáo UBND huyện về tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Các ban, ngành, đoàn thể thuộc xã căn cứ chức năng nhiệm vụ giao triển khai, tổ chức thực Kế hoạch.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Trung Hội giai đoạn 2025 - 2030 định hướng đến năm 2045. Yêu cầu các ban, ngành đoàn thể và các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện.

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy;
- TT HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Các ban, ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT, VHTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Định**

## PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND xã Trung Hội)

| TT       | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Kết quả  | Tham mưu thực hiện                 | Phối hợp thực hiện               |
|----------|---|-------------|--|------------------------------------|----------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Đến năm 2030</b>   |             |  |                                    |                                  |
| 1        | Trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên một số lĩnh vực quan trọng được nâng cao.   | Mức độ      | Tiếp cận mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng | Công chức VP-TK<br>Công chức VH-XH | Các ban, ngành đoàn thể xã       |
| 2        | Phân đầu nâng cao trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tiếp cận mức tiên tiến của Việt Nam.  | Mức độ      | Đạt mức tiên tiến                                  | Địa chính xây dựng                 | Kế toán ngân sách                |
| 3        | Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 90%.  | Đạt         | Đạt  | Văn phòng thống kê                 | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |
| 4        | Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn xã.   | %           | 40%  | Địa chính xây dựng                 | Kế toán ngân sách                |
| 5        | Số hóa 100% các di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp tỉnh đã được tôn tạo, các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.  | Đạt         | 100%   | Văn hóa – xã hội                   | Bộ phận tiếp nhận và TKQ         |
| 6        | Quan tâm bố trí nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.  | %           | 15%  | Kế toán ngân sách                  | Các đơn vị trên địa bàn          |
| 7        | Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại; trên địa bàn huyện không còn điểm lờm sóng; Sóng 5G trở lên phủ sóng 100% khu dân cư; cáp quang băng rộng tới 100% hộ gia đình có nhu cầu sử dụng; xã | %           | 100%   | Văn hóa – xã hội                   | Các doanh nghiệp viễn thông      |



| TT | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính   | Kết quả    | Tham mưu thực hiện | Phối hợp thực hiện           |
|----|---|---------------|------------|--------------------|------------------------------|
|    | tiếp tục duy trì đài truyền thanh thông minh.   |               |            |                    |                              |
| 8  | Quản lý nhà nước trên môi trường số, cơ sở dữ liệu kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.                                      | Cơ sở dữ liệu | Liên thông | Văn phòng thống kê | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |
| 9  | Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phong trào “bình dân học AI” một cách sâu rộng, bền vững đến 100% các tổ công nghệ số các xóm, cán bộ, công chức, viên chức | %             | 100%       | Văn hóa xã hội     | Các cơ quan, đơn vị, các xóm |
| 10 | Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính   | %             | 100        | Văn phòng thống kê | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |
| 11 | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử   | %             | 100        | Văn phòng TK       | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |
| 12 | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công  | %             | 80         | Văn phòng TK       | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |
| 13 | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công   | %             | 80         | Văn phòng TK       | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |
| 14 | Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền                               | %             | 70         | Văn phòng TK       | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |
| 15 | Tỷ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép  | %             | ≥30        | Văn phòng TK       | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |
| 16 | Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép   | %             | 50         | Văn phòng TK       | Bộ phận tiếp nhận và TKQ     |

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Kết quả</b> | <b>Tham mưu thực hiện</b> | <b>Phối hợp thực hiện</b> |
|-----------|---|--------------------|----------------|---------------------------|---------------------------|
| 17        | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước (Trừ văn bản mật)   | %                  | 100            | Văn phòng TK              | Bộ phận tiếp nhận và TKQ  |
| 18        | Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử                     | %                  | 100            | Văn phòng TK              | Bộ phận tiếp nhận và TKQ  |
| 19        | Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử                                | %                  | 100            | Văn phòng TK              | Bộ phận tiếp nhận và TKQ  |
| 20        | Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu của huyện với cơ sở dữ liệu tỉnh, quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành | Cơ sở dữ liệu      | Liên thông     | Văn phòng TK              | Bộ phận tiếp nhận và TKQ  |
| 21        | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân  | %                  | $\geq 70$      | Văn phòng TK              | Bộ phận tiếp nhận và TKQ  |
| 22        | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử   | %                  | $\geq 95$      | Văn hóa LĐTBXH            | Trạm Y tế                 |
| <b>II</b> | Đảm bảo an toàn thông tin, thực hiện đầy đủ các nội dung theo hồ sơ cấp độ được phê duyệt                                       | Đảm bảo            | Đạt            | Văn phòng TK              | Văn hóa xã hội            |
|           | <b>Đến năm 2045</b>   |                    |                |                           |                           |
| 23        | Trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nhiều lĩnh vực quan trọng được nâng cao.                                  | Đảm bảo            | Đạt            | Văn phòng TK              | Các ban, ngành đoàn thể   |
| 24        | Đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ phát triển khoa học công nghệ.  | Đảm bảo            | Đạt            | Văn phòng TK              | Các ban, ngành đoàn thể   |
| 25        | Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa xã có thu nhập khá                    | Đảm bảo            | Đạt            | Văn phòng TK              | Các ban, ngành đoàn thể   |

## PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND xã Trung Hội

| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện | Cơ quan phối hợp                | Kết quả                | Thời gian hoàn thành |
|----|---|------------------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------|
| I. | <b>Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b>   |                                    |                                 |                        |                      |
| 1  | Tuyên truyền, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 03-NQ/CP; Chương trình hành động số 62-CTr/TU, Kế hoạch số 25/KH-UBND theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, tầng lớp Nhân dân để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị từ huyện đến xã, thị trấn, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và toàn thể Nhân dân về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. | Văn hóa xã hội                     | Các ban, ngành đoàn thể, 12 xóm | Chương trình           | Quý II/năm 2025      |
| 2  | Triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng năm.   | Văn phòng TK                       | Các ngành, đoàn thể             | Chương trình           | Thường xuyên         |
| 3  | Hàng năm đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.  | Văn phòng TK                       | Các ngành, đoàn thể             | Chương trình, kế hoạch | Thường xuyên         |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b> | <b>Kết quả</b>  | <b>Thời gian hoàn thành</b> |
|-----------|---|---|-------------------------|---|-----------------------------|
| 4         | Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.   | Văn phòng TK                              | Các ngành, đoàn thể     | Văn bản cấp có thẩm quyền   | Hàng năm                    |
| 5         | Khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.   | Các ngành, đoàn thể                       | Phòng Nội vụ            | Phương pháp/ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số | Hàng năm                    |
| 6         | Tổ chức chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.   | Văn phòng thống kê                        | Các ngành, đoàn thể     | Kế hoạch công tác   | Thường xuyên                |
| 7         | Phát động phong trào thi đua trong toàn huyện để phát huy sức mạnh tổng hợp, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức phù hợp cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc. | Văn phòng thống kê                        | Các ngành, đoàn thể     | Văn bản cấp có thẩm quyền   | Năm 2026                    |
| 8         | Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến   | Văn phòng thống kê                        | Các ngành, đoàn thể     | Chương trình, kế hoạch cụ thể   | Thường xuyên                |

| TT        | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện | Cơ quan phối hợp    | Kết quả                       | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|------------------------------------|---------------------|-------------------------------|----------------------|
|           | thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.   |                                    |                     |                               |                      |
| 9         | Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội   | Văn hóa xã hội                     | Các ngành đoàn thể  | Chương trình, kế hoạch cụ thể | Thường xuyên         |
| 10        | Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức  | Văn phòng thống kê                 | Các ngành đoàn thể  | Văn bản cơ quan có thẩm quyền | Năm 2025             |
| 11        | Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị   | Văn phòng thống kê                 | Các ngành, đoàn thể | Chương trình, kế hoạch cụ thể | Hàng năm             |
| <b>II</b> | <b>Tập trung đổi mới khoa học công nghệ, chuyển đổi số trên một số lĩnh vực; Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>   |                                    |                     |                               |                      |
| 12        | Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Phát triển hạ tầng số tỉnh Thái Nguyên đến hết năm 2025, từ đó tạo đột phá về hạ tầng số trên địa bàn. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn huyện. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã | Các doanh nghiệp viễn thông        | Văn hóa xã hội      | Chương trình, kế hoạch cụ thể | Hàng năm             |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện | Cơ quan phối hợp                               | Kết quả  | Thời gian hoàn thành |
|----|--|------------------------------------|--|--|----------------------|
|    | hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.  |                                    |  |  |                      |
| 13 | Thực hiện chuyển đổi số tại cụm công nghiệp ( <i>sau khi được thành lập và đưa vào hoạt động</i> ) theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.   | Các doanh nghiệp viễn thông        | Văn hóa xã hội                                 | Cụm công nghiệp thông minh   | Năm 2027             |
| 14 | Xây dựng kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực theo quy định  | Văn phòng thống kê                 | Văn hóa xã hội                                 | Kế hoạch   | Năm 2026             |
| 15 | Xây dựng văn bản/chương trình/kế hoạch triển khai kinh tế số, xã hội số  | Văn phòng thống kê                 | Kế toán ngân sách                              | Các văn bản liên quan  | Năm 2025             |
| 16 | Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản 1552/BTTTT-THH và 708/BTTTT-CATT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP Chính phủ | Văn phòng thống kê                 | Văn hóa xã hội, các đơn vị trên địa bàn        | Khắc phục lỗ hổng bảo mật, hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn để kết nối khi khai thác dữ liệu, cắt giảm giấy tờ cho người dân, phục vụ công tác quản lý của cơ quan hành chính | Năm 2025             |
| 17 | Phát động sâu rộng phong trào thi đua “học tập số“, “bình dân học AI“ trên địa bàn; mỗi người dân và cán bộ công chức đều được tiếp cận từ những ứng dụng AI cơ bản nhất phục vụ sinh hoạt, đời sống và công việc. Quản  | Các ngành, đoàn thể                | Văn phòng thống kê, văn hóa xã hội, các đơn vị | Kế hoạch   | Hàng năm             |

| TT          | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện | Cơ quan phối hợp                      | Kết quả           | Thời gian hoàn thành |
|-------------|---|------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|----------------------|
|             | lý nhà nước trên môi trường số, cơ sở dữ liệu kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.   |                                    |                                       |                   |                      |
| 18          | Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Tập trung quảng bá sâu rộng hình ảnh đất nước, con người huyện Định Hóa trên môi trường số nhằm thu hút đầu tư thông qua việc đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với văn hóa lịch sử, số hóa các di tích lịch sử và di sản văn hóa trên địa bàn | Văn hóa xã hội                     | Các ngành, đoàn thể                   | Văn bản liên quan | Hàng năm             |
| 19          | Nâng cao chất lượng công tác thông tin truyền thông trên địa bàn thông qua việc đổi mới sáng tạo nội dung, hình thức tuyên truyền; sử dụng công nghệ trong công tác truyền thông, duy trì đài truyền thanh thông minh   | Văn hóa xã hội                     | Các ngành, đoàn thể                   | Kế hoạch          | Hàng năm             |
| 20          | Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, tập trung đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý giáo dục, quản lý hồ sơ người học, tuyển sinh. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục.  | Các nhà trường                     | Văn hóa thông tin, văn phòng thống kê | Kế hoạch          | Hàng năm             |
| <b>III.</b> | <b>Đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển.</b>   |                                    |                                       |                   |                      |

| TT        | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện | Cơ quan phối hợp    | Kết quả  | Thời gian hoàn thành |
|-----------|---|------------------------------------|---------------------|----------|----------------------|
| 21        | Rà soát, đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về cơ chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số. | Văn hóa thông tin                  | Các ngành, đoàn thể | Văn bản  | Năm 2025             |
| 22        | Thực hiện các quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;  | Kế toán ngân sách                  | Các ngành, đoàn thể | Văn bản  | Hàng năm             |
| <b>IV</b> | <b>Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>   |                                    |                     |          |                      |
| 23        | Đề xuất lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực tại cơ quan.  | Văn phòng thống kê                 | Các ngành, đoàn thể | Văn bản  | Hàng năm             |
| 24        | Thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động những kiến thức, kỹ năng về áp dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; Đào tạo kỹ năng số cho các tổ công nghệ số cộng đồng.   | Văn phòng thống kê, văn hóa xã hội | Các ngành, đoàn thể | Kế hoạch | Hàng năm             |
| 25        | Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát   | Các nhà trường                     | Văn hóa xã hội      | Kế hoạch | Hàng năm             |



| TT | Tên nhiệm vụ  | Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện | Cơ quan phối hợp | Kết quả                          | Thời gian hoàn thành |
|----|---|------------------------------------|------------------|----------------------------------|----------------------|
|    | hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm.   |                                    |                  |                                  |                      |
| 26 | Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.   | Các nhà trường                     |                  | Văn bản                          | Hàng năm             |
| V  | <b>Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị nền hành chính, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh</b>   |                                    |                  |                                  |                      |
| 27 | Cụ thể hóa đổi mới sáng tạo trong xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hàng năm  | Văn phòng thống kê                 | Văn hóa xã hội   | Kế hoạch                         | Hàng năm             |
| 28 | Triển khai, xây dựng, phát triển Chính quyền số theo nội dung chỉ đạo, hướng dẫn tại Chương trình phát triển Chính phủ số ( <i>sau khi được ban hành</i> ) với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; triển khai bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số. | Văn phòng thống kê                 | Văn hóa xã hội   | Kế hoạch, văn bản của UBND huyện | Hàng năm             |
| 29 | Xây dựng/Triển khai hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.   | Văn phòng thống kê                 | Văn hóa xã hội   | Cơ sở dữ liệu dùng chung         | Năm 2026             |

| TT | Tên nhiệm vụ   | Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện | Cơ quan phối hợp                    | Kết quả           | Thời gian hoàn thành |
|----|--|------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|----------------------|
| 30 | Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo chỉ đạo, điều hành; nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.                     | Văn phòng thống kê, văn hóa xã hội | Bộ phận tiếp nhận và TKQ            | Văn bản liên quan | Hàng năm             |
| 31 | Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số. Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.  | Công an xã                         | Các ngành, đoàn thể, các Trường xóm | Kế hoạch          | Năm 2025             |
| 32 | Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng theo hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.  | Văn hóa thông tin                  | Các ngành, đoàn thể, các Trường xóm | Văn bản liên quan | Hàng năm             |
| 33 | Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng. | Công an xã                         | Các ngành, đoàn thể, các Trường xóm | Kế hoạch          | Hàng năm             |
| 34 | Tăng cường giám sát trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người   | Công an xã                         | Các ngành, đoàn thể, các Trường xóm | Kế hoạch          | Hàng năm             |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b>                     | <b>Kết quả</b>    | <b>Thời gian hoàn thành</b> |
|-----------|---|---|---|-------------------|-----------------------------|
|           | dân.  |   |   |                   |                             |
| 35        | Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.   | Công an xã                                | Các ngành, đoàn thể                         | Kế hoạch          | Hàng năm                    |
| 36        | Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc | Công an xã, quân sự xã                    | Các ngành, đoàn thể                         | Văn bản liên quan | Hàng năm                    |
| 37        | Triển khai nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.   | Địa chính xây dựng                        | Các ngành, đoàn thể                         | Văn bản liên quan | Sai khi tình triển khai     |
| 38        | Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định   | Địa chính xây dựng                        | Các ngành đoàn thể                          | Văn bản liên quan | Sai khi tình triển khai     |
| 39        | Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử   | Địa chính xây dựng                        | Kế toán ngân sách, bộ phận tiếp nhận và TKQ | Văn bản liên quan | Hàng năm                    |
| 40        | Xây dựng giải pháp, công cụ để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu số sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin số sức khỏe trên VNelD trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh  | Trạm Y tế                                 | CÔNG an xã, cán bộ LĐTĐBXH                  | Văn bản liên quan | Hàng năm                    |
| 41        | Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án đột phá phát triển  | Công an xã                                | Các cơ quan, đơn vị liên quan               | Kế hoạch          | Sau khi tình                |

| <b>TT</b>   | <b>Tên nhiệm vụ</b>   | <b>Cơ quan chủ trì tham mưu/thực hiện</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b> | <b>Kết quả</b>   | <b>Thời gian hoàn thành</b> |
|-------------|---|---|-------------------------|--|-----------------------------|
|             | khoa học công nghệ, công nghiệp an ninh, làm chủ công nghệ chiến lược thực hiện hiện đại hóa lực lượng Công an nhân dân   |   |                         |  | triển khai                  |
| <b>VI</b>   | <b>Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp</b>   |   |                         |  |                             |
| 42          | Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử | Công an xã                                | Các ngành, đoàn thể     | Quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế | Năm 2025                    |
| <b>VII.</b> | <b>Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>   |   |                         |  |                             |
| 43          | Quan tâm hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ và chuyển đổi số;  | Văn hóa xã hội                            | Các ngành đoàn thể      | Văn bản liên quan  | Khi có đề nghị              |
| 44          | Học tập kinh nghiệm, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện.     | Các ngành, đoàn thể                       |                         | Kế hoạch   | Năm 2027                    |

